

**DANH MỤC NGÀNH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC PHÙ HỢP
VỚI CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

*(Kèm theo Thông báo số 1722/TB-ĐH-HHVN ngày 18/11/2021 của Hiệu trưởng
Trường ĐH Hàng hải Việt Nam v/v Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022)*

1. NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ; MÃ SỐ: 8310110

1.1. Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

1.1.1. Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Quản lý kinh tế; Kinh tế (vận tải, vận tải biển; ngoại thương; đối ngoại, phát triển; đầu tư, quốc tế, quản lý,...); Quản trị kinh doanh; Quản trị (tài chính kế toán, bảo hiểm, nhân lực, khách sạn, dịch vụ du lịch, văn phòng, ...); Kế toán; Ngân hàng; Kiểm toán; Tài chính - Kế toán; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán, của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và các Trường Đại học, Học viện thuộc khối đào tạo chuyên lĩnh vực kinh tế, như: Trường Đại học Kinh tế (thuộc các Đại học Quốc gia hoặc Đại học vùng), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Tài chính kế toán, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng.

1.1.2. Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	- Các ngành ghi trong mục 1.1.1 thuộc hệ không chính quy; - Các ngành ghi trong mục 1.1.1 của các trường Đại học hoặc Học viện khác.	1. Kinh tế học; 2. Lý thuyết tài chính tiền tệ; 3. Quản trị học .	2 2 2
2	Các ngành, nhóm ngành Kinh tế, hoặc Quản lý hoặc kinh doanh (Công nghiệp, mỏ, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thương mại, hành chính, xây dựng, thủy lợi, bệnh viện, nuôi trồng thủy sản, công đoàn, điện lực, đất đai, tài nguyên môi trường, tài nguyên	1. Kinh tế học; 2. Lý thuyết tài chính tiền tệ; 3. Quản trị học.	2 2 2

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
	nước, khoáng sản, hành chính, hải quan, bưu chính viễn thông, bưu điện, xuất bản phẩm,...).		
3	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác (xem xét cụ thể sự phù hợp dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành).	1. Kinh tế học;	2
		2. Lý thuyết tài chính tiền tệ;	2
		3. Quản trị học;	2
		4. Khoa học quản lý;	2
		5. Thống kê kinh tế.	2

1.2. Chuyên ngành: Quản lý tài chính

1.2.1. Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Các ngành/chuyên ngành quản lý hoặc quản trị về tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, ngân sách nhà nước, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, thị trường tài chính tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

1.1.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Các ngành, nhóm ngành Kinh tế hoặc Quản lý, Quản trị không thuộc các ngành nêu tại mục 1.2.1 ở trên.	1. Kinh tế học;	2
		2. Lý thuyết tài chính tiền tệ;	2
		3. Quản trị học.	2
3	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác (xem xét cụ thể sự phù hợp dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành).	1. Kinh tế học;	2
		2. Lý thuyết tài chính tiền tệ;	2
		3. Quản trị học;	2
		4. Luật tài chính;	2
		5. Toán tài chính.	2

2. NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC; MÃ SỐ: 8520116

2.1. Chuyên ngành: Quản lý kỹ thuật

2.1.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Khai thác Máy tàu biển;
- Máy tàu thủy;
- Máy và Tự động công nghiệp;
- Quản lý Kỹ thuật công nghiệp.

2.1.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Điện tự động công nghiệp, Máy và Tự động hóa xếp dỡ, Thiết kế tàu và công trình ngoài khơi, Đóng tàu và công trình ngoài khơi, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật Cơ điện tử, Kỹ thuật Nhiệt lạnh	1. Nhiệt kỹ thuật 2. Động cơ đốt trong 3. Bơm và máy nén	3 3 3
2	Các ngành kỹ thuật khác thuộc khối Cơ khí động lực	1. Nhiệt kỹ thuật 2. Động cơ đốt trong 3. Bơm và máy nén 4. Sửa chữa, bảo trì các máy công nghiệp	3 3 3 3
3	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

2.2. Chuyên ngành: Kỹ thuật tàu thủy

2.2.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Thiết kế thân tàu thủy, Đóng tàu thủy (Tốt nghiệp từ năm 2016 - tương ứng khóa 53 trở về trước tại ĐHHHVN); Thiết kế tàu và Công trình ngoài khơi, Đóng tàu và Công trình ngoài khơi (Tương ứng với khóa 54 trở lại đây tại ĐHHHVN).

2.2.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Máy tàu biển; Máy tàu thủy	1. Tải trọng môi trường tác dụng lên tàu và CTBDĐ;	2 2

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
		2. Lý thuyết tàu.	
2	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

2.3. Chuyên ngành: Quản lý thiết bị năng lượng

2.3.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Tốt nghiệp đại học nhóm ngành, chuyên ngành đúng hoặc phù hợp thì không phải học bổ sung kiến thức, bao gồm: Máy tàu thủy; Khai thác Máy tàu biển; Máy và tự động công nghiệp; Quản lý kỹ thuật công nghiệp; Cơ khí thủy; Động cơ nhiệt; Thiết bị năng lượng.

2.3.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học gần</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Máy và tự động hóa xếp dỡ; Công nghệ nhiệt; Máy giao thông; Máy xây dựng; Máy nông nghiệp; Máy công cụ; Cơ khí ô tô; Cơ khí động lực; Cơ khí; Cơ điện, Cơ khí chế tạo máy; Kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật nhiệt lạnh; Kỹ thuật cơ khí.	1. Thiết bị hệ thống động lực tàu thủy; 2. Thiết kế hệ thống động lực tàu thủy; 3. Công nghệ hệ thống động lực tàu thủy.	2 2 2
2	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

2.4. Chuyên ngành: Quản lý sản xuất công nghiệp

2.4.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Kỹ thuật cơ khí, mã số 7520103; Kỹ thuật cơ khí động lực, mã số 7520116; Kỹ thuật công nghiệp, mã số 7520117; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, mã số 7520118; Kỹ thuật ô tô, mã số 7520130; Kỹ thuật cơ điện tử, mã số 7520114; Kỹ thuật tàu thủy, mã số 7520122; Kỹ thuật nhiệt, mã số 7520115.

2.4.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

TT	Mã ngành	Ngành/ chuyên ngành tốt nghiệp đại học	Tên học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
1	7520101	Cơ kỹ thuật	1. Quản lý và đánh giá chất lượng sản phẩm; 2. Toán ứng dụng; 3. Kỹ thuật điều khiển tự động; 4. CAD/CAM-CNC	2
	7520120	Kỹ thuật hàng không		2
	7520309	Kỹ thuật vật liệu		2
	7520305	Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu		2
2	7510601	Quản lý công nghiệp	1. Nguyên lý máy; 2. Toán ứng dụng; 3. Kỹ thuật điều khiển tự động; 4. CAD/CAM-CNC	2
	7510602	Quản lý năng lượng		2
3	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.			

3. NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA; MÃ SỐ: 8520216

Chuyên ngành: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm: Tự động hóa; điện tự động công nghiệp; điện tự động tàu thủy; tự động hóa hệ thống điện; điều khiển tự động.

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
-----------	--	---------------------------------------	-------------------

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Điện tử viễn thông; Điện khí hóa - cung cấp điện; Sư phạm kỹ thuật; (Sư phạm) Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử.	1. Máy điện; 2. Điều khiển hệ điện cơ; 3. PLC; 4. Hệ thống thông tin CN.	2 2 2 2
2	Kỹ thuật điện; kỹ thuật điện - điện tử; sư phạm kỹ thuật điện; (Công nghệ kỹ thuật) cơ điện tử; kỹ thuật điều khiển tên lửa của các trường HV Quân sự, HV Hải quân hoặc các trường ĐH đào tạo các chuyên ngành này.	1. Điện tử công suất; 2. Điều khiển hệ điện cơ; 3. PLC; 4. Hệ thống thông tin CN.	2 2 2 2
3	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

4. NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY; MÃ SỐ: 8580202

Chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình thủy

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm: Công trình thủy; Xây dựng công trình thủy.

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	- Các ngành kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật cầu đường; - Kỹ thuật công trình thủy lợi, thủy điện; - Kỹ thuật công trình mỏ.	1. Công trình bến; 2. Công trình thủy công trong NMĐT; 3. Thi công công trình thủy; 4. Động lực học sông biển.	2 2 2 2
2	- Kỹ thuật công trình biển.	1. Công trình bến; 2. Công trình thủy công trong NMĐT;	2 2 2

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
		3. Thi công công trình thủy.	
3	- Bảo đảm an toàn đường thủy.	1. Công trình bến; 2. Công trình thủy công trong NMDT.	2 2
4	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

5. NGÀNH: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI; MÃ SỐ: 8840103

Chuyên ngành: Quản lý vận tải và Logistics

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm: Kinh tế vận tải biển; Kinh tế ngoại thương; Kinh tế vận tải thủy; Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Kinh tế ngoại thương; Kinh tế quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Quản trị kinh doanh; Quản trị doanh nghiệp; Quản trị kinh doanh bảo hiểm; Quản trị tài chính kế toán; Kinh tế vận tải sắt; Kinh tế vận tải ô tô; Kinh tế vận tải hàng không; Khai thác vận tải sắt; Khai thác vận tải ô tô; Khai thác vận tải hàng không; Kinh tế - Tài chính; Kinh tế - Ngân hàng; Kinh tế - Kiểm toán...	1. Kinh tế vận tải; 2. Kinh doanh vận tải biển; 3. Logistics vận tải.	2 2 2
2	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

6. NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ; MÃ SỐ: 8520203

Chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông; Kỹ thuật vô tuyến điện; Kỹ thuật thông tin liên lạc; Vô tuyến điện tử.

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Điện tự động công nghiệp; Điện tử - Tự động hóa; Cơ điện tử; Điện khí hóa - cung cấp điện.	1. Lý thuyết truyền tin; 2. Kỹ thuật thông tin số; 3. Lý thuyết và KT anten; 4. Kỹ thuật truyền hình; 5. Hệ thống thông tin số.	2 2 2 2 2
2	Công nghệ thông tin; Sư phạm kỹ thuật công nghiệp; (Sư phạm) tin học; Cử nhân tin học; Kỹ thuật điện - điện tử.	1. Kỹ thuật mạch điện tử; 2. Kỹ thuật thông tin số; 3. Lý thuyết và KT anten; 4. Kỹ thuật truyền hình; 5. Hệ thống thông tin số.	2 2 2 2 2
3	Kỹ thuật điện tử; Vật lý điện tử; Chuyên ngành vật lý của các trường ĐH.	1. Kỹ thuật thông tin số; 2. Lý thuyết và KT anten; 3. Kỹ thuật truyền hình; 4. Hệ thống thông tin số.	2 2 2 2
4	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

7. NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; MÃ SỐ: 8480201

Chuyên ngành: Công nghệ thông tin

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật máy tính; Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Hệ thống thông tin; Công nghệ phần mềm (Kỹ thuật phần mềm); Tin học ứng dụng; Cử nhân tin học, thì không phải học bổ sung kiến thức.

Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Toán - tin; Toán ứng dụng; Cử	1. Phân tích và thiết kế hệ thống;	2

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
	nhân (sư phạm) toán; Điện tử viễn thông (Đại học Bách Khoa Hà Nội); Tin học công nghiệp; Sư phạm (kỹ thuật) tin học; Điều khiển tự động; Tin học quản lý.	2. Kiến trúc máy tính; 3. Trí tuệ nhân tạo.	2 2
2	Ngành/chuyên ngành đại học không thuộc Ngành CNTT và không nằm trong trường hợp phải học bổ sung 3 môn nói trên.	1. Cơ sở dữ liệu; 2. Phân tích thiết kế hệ thống; 3. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật; 4. Lập trình hướng đối tượng; 5. Kiến trúc máy tính; 6. Trí tuệ nhân tạo.	2 2 2 2 2 2
3	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

8. NGÀNH: KHOA HỌC HÀNG HẢI; MÃ SỐ: 8840106

8.1. Chuyên ngành: Quản lý hàng hải

8.1.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Quản lý hàng hải; Điều khiển tàu biển.

8.1.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Luật hàng hải.	1. Thông tin liên lạc hàng hải.	2
2	- Khai thác máy tàu biển; - Kỹ thuật an toàn hàng hải; - Kinh tế vận tải biển; - Kinh tế vận tải thủy.	1. Giới thiệu chuyên ngành Quản lý hàng hải; 2. Thông tin liên lạc hàng hải; 3. Luật hàng hải.	2 2 2
4	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

8.2. Chuyên ngành: Bảo đảm an toàn hàng hải

8.2.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Xây dựng công trình thủy, Xây dựng công trình biển, Kỹ thuật An toàn hàng hải, Điều khiển tàu biển.

8.2.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	- Kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật cầu đường; - Kỹ thuật công trình thủy lợi, thủy điện; - Kỹ thuật công trình mỏ.	1. Công trình báo hiệu hàng hải;	2
		2. Luồng tàu và khu nước của cảng.	2
2	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

9. NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG; MÃ SỐ: 8580201

9.1. Chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp

9.1.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

9.1.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Ngành/ chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	- Xây dựng công trình thủy; - Xây dựng công trình biển; - Kỹ thuật cầu đường; - Kỹ thuật công trình thủy lợi, thủy điện; - Kỹ thuật công trình mỏ.	1. Bê tông cốt thép 2;	2
		2. Kết cấu thép 2;	2
		3. Thiết kế nhà dân dụng và công nghiệp.	2
2	- Kiến trúc.	1. Bê tông cốt thép 2;	2
		2. Kết cấu thép 2;	2
		3. Thiết kế nhà dân dụng và công nghiệp;	2

<i>TT</i>	<i>Ngành/ chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
		4. Phương pháp tính.	2
3	- Bảo đảm an toàn đường thủy.	1. Bê tông cốt thép 2; 2. Kết cấu thép 2; 3. Thiết kế nhà dân dụng và công nghiệp; 4. Kiến trúc dân dụng.	2 2 2 2
4	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

9.2. Chuyên ngành: Quản lý dự án đầu tư và xây dựng

9.2.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Kỹ thuật xây dựng, mã số 7580201.

9.2.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức theo bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Mã ngành</i>	<i>Ngành/ chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy.	1. Quản lý đấu thầu; 2. Quản lý hợp đồng; 3. Quản lý công nghệ xây dựng; 4. Quản lý chất lượng CTXD.	2
	7580203	Kỹ thuật xây dựng công trình biển.		
	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.		
	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng.		2
	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng.		
	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước.		
	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước.		

<i>TT</i>	<i>Mã ngành</i>	<i>Ngành/ chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
2	7580301	Kinh tế xây dựng. Quản lý xây dựng.	1. Nguyên lý kết cấu CTXD; 2. Tổ chức và quản lý thi công; 3. Quản lý chất lượng CTXD; 4. Quản lý công nghệ xây dựng.	2 2 2 2
3	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.			

10. NGÀNH: KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG; MÃ SỐ: 8520320

10.1 Chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường

10.1.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Các ngành và chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường, Quản lý môi trường, Khoa học môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Hóa môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước, Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước, Công nghệ kỹ thuật môi trường và các chuyên ngành tương đương với các chuyên ngành nêu trên tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

10.1.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức gồm:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Các ngành, nhóm ngành: Hóa học, Công nghệ hóa học, Kỹ thuật hóa học, Sinh học, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa, Kỹ thuật mỏ, Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống và nhóm ngành, chuyên ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, Xây dựng, Kiến trúc và quy hoạch... và các ngành, chuyên ngành tương đương với các ngành và chuyên ngành nêu trên.	1. Kỹ thuật xử lý nước và nước thải; 2. Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm khí - tiếng ồn; 3. Quản lý chất thải rắn.	2 2 2

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
2	Các ngành, chuyên ngành phù hợp khác.	1. Hóa học môi trường;	2
		2. Kỹ thuật quan trắc và phân tích môi trường;	2
		3. Kỹ thuật xử lý nước và nước thải;	2
		4. Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm khí - tiếng ồn;	2
		5. Quản lý chất thải rắn.	2
3	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

10.2 Chuyên ngành: Quản lý môi trường

10.2.1. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Các ngành và chuyên ngành: Quản lý môi trường, Kỹ thuật môi trường, Khoa học môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Hóa môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước, Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước, Công nghệ kỹ thuật môi trường và các chuyên ngành tương đương với các chuyên ngành nêu trên tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

10.2.2. Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học phù hợp phải bổ sung kiến thức gồm:

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	Các ngành, nhóm ngành: Hóa học, Công nghệ hóa học, Kỹ thuật hóa học, Sinh học, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa, Kỹ thuật mỏ, Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống và nhóm ngành, chuyên ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, Xây dựng, Kiến trúc và quy hoạch... và các ngành, chuyên ngành tương đương với các ngành và chuyên ngành nêu trên.	1. Quản lý chất lượng nước;	2
		2. Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm khí - tiếng ồn;	2
		3. Quản lý chất thải rắn.	2

<i>TT</i>	<i>Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học</i>	<i>Tên học phần bổ sung kiến thức</i>	<i>Số tín chỉ</i>
2	Các ngành, chuyên ngành phù hợp khác.	1. Hệ thống quản lý môi trường;	2
		2. Luật và chính sách môi trường;	2
		3. Quản lý chất lượng nước;	2
		4. Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm khí - tiếng ồn;	2
		5. Quản lý chất thải rắn.	2
3	Các ngành/chuyên ngành phù hợp khác được xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành/chuyên ngành đó.		

Tổng số: 14 trang.

Hải Phòng, ngày 18 tháng 11 năm 2021

**TL. HIỆU TRƯỞNG
VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐTSĐH**

(đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Kim Phương